

SỬ THI RAMAYANA TRONG NGHỆ THUẬT CHAMPA: “LỄ CƯỚI CÔNG CHÚA SITA” THỂ HIỆN TRÊN ĐÀI THỜ TRÀ KIỆU

Trần Kỳ Phương*

1. Giới thiệu

Năm 1901, bàn thờ Trà Kiệu đã được phát hiện tại làng Trà Kiệu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bàn thờ (altar) này gồm một bộ *yoní-linga* kết hợp với phần đài thờ hình vuông, chế tác bằng sa thạch cứng; hiện trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng (Ký hiệu 22.2). Phần đài thờ (pedestal) vuông vẫn được trang trí tinh xảo với bốn cảnh điêu khắc kể chuyện (narrative sculpture).⁽¹⁾ Mặc dù đài thờ đã bị sút vỡ đôi chỗ, nhưng các chi tiết điêu khắc vẫn gây ấn tượng cho người xem và chuyển tải được nội dung nghệ thuật mà các nghệ nhân đã thể hiện trên bốn mặt của đài thờ (Hình 1).



Hình 1: Bàn thờ Trà Kiệu. Hiện trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng.
Ảnh: Trần Kỳ Phương.

* Hội Khảo cổ học Việt Nam.

Theo trình tự thời gian từ khi đài thờ được phát hiện cho đến nay, đã có những giải thích khác nhau về nội dung của bốn cảnh được chạm trên đài thờ Trà Kiệu. Trước hết, vào năm 1929, Jean Przyluski diễn giải các cảnh này là minh họa cho truyền thuyết về vua Kaudinya, người sáng lập ra Vương quốc Phù Nam, vì nó đã xuất hiện trong bia ký của vua Prakāṣadharma - Vikrantavarman I được phát hiện ở tháp Mỹ Sơn E6 (Przyluski 1930: 89-93).

Hai năm sau, George Coedès tiếp tục phân tích những cảnh này và không đồng ý với lối diễn giải của Przyluski. Ông nêu vấn đề là tại sao một số tác giả lại chọn truyền thuyết về sự tạo dựng Vương quốc Phù Nam, được liên kết với các vị vua Khmer thời tiền Angkor, như là một chủ đề cho các bàn thờ được lập tại kinh đô Champa? Sau đó, ông xác định những cảnh này như là những minh họa của một tác phẩm văn học thuộc Vaisnavite, mà, chúng có liên hệ mật thiết với bộ kinh Bhagavatapurana, tuy rằng chúng không phản ánh trung thực nội dung của những bộ kinh đó, nhưng ông lại khẳng định rằng những minh họa này kết hợp từ nhiều yếu tố của các bộ kinh Visnupurana, Harivamsa và Balacarita (Coedès 1931: 201-12). Theo Jean Boisselier, Coedès đã đưa ra một lý giải có tính thuyết phục nhất về nội dung của các bức phù điêu được thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu. Boisselier đã tóm tắt những giải thích của Coedès, cụ thể như sau.

2. Lý giải của Coedès

Cảnh C: Phép màu của Trivakra trên đường Mathura. Được minh họa gồm: Nhóm người xuất hiện ở phân đoạn năm và sáu, được thể hiện chính xác theo hình tượng của người bán hoa Sudaman trong tư thế ngồi, mặc y phục nam giới như được nhìn từ phía sau lưng. Dây lưng trơn buộc vào nếp gấp của chiếc *sampot*. Loại chi tiết này không hề xuất hiện trên trang phục của nữ giới.

Cảnh B: Các thương nhân hiến dâng lễ vật cho Krishna. Được minh họa gồm: Krishna ngồi trước hình dáng Rama đứng. Mọi hình dáng nhân vật từ I-XI đều cầm quạt và được cho là những hầu cận của Krishna.

Cảnh A: Cây cung gãy của Kamsa. Được minh họa gồm: Cây cung gãy của Kamsa trông giống như một cây cột và phải cần đến năm người để khiêng. Balarama cũng xuất hiện trong cảnh này.

Cảnh D: Vũ nữ thiên tiên/*apsaras* múa. Được minh họa gồm: Những *apsaras* múa và đi theo hai *gandharvas* ở phần cuối bên trái của cảnh A (Boisselier 1963: 175).

Theo Coedès, tất cả những cảnh này minh họa cho một truyền thuyết về thần Krishna. Việc chọn lựa các cảnh minh họa có tính tùy tiện và không liên hệ chặt chẽ với chủ đề của những truyền thuyết về vị thần này.

Tuy nhiên, ngược lại với cách lý giải của Coedès, chúng tôi tin rằng những minh họa này đều có cùng một chủ đề được phát triển theo từng hồi mạch lạc. Tất cả các cảnh đều minh họa một chủ đề từ sử thi Ramayana: Lễ cưới Sita.

3. Nội dung diễn giải mới

Các cảnh điêu khắc trên đài thờ quan hệ chặt chẽ đến một chuỗi những sự kiện liên tiếp nhau theo từng hồi đoạn của chương *Balakanda* (*Chuyện Thiếu niên*) trong Ramayana của Vālmīki.⁽²⁾ Để có được một lý giải mạch lạc, chúng tôi sẽ phân chia mỗi cảnh điêu khắc thành từng phân cảnh dựa theo minh họa của mỗi hồi đoạn. Chúng tôi sẽ sắp xếp chúng theo thứ tự đã được Henri Parmentier đề xuất thay vì của Coedès (Parmentier 1909: 209). Các chi tiết bao gồm:

CẢNH A: Cảnh này minh họa Rama giương cung tại Kinh thành Mithila. Có mười sáu nhân vật tính từ trái sang phải được sắp xếp thành năm phân cảnh (Hình 2).



Hình 2: Cảnh A gồm 16 nhân vật đọc từ trái sang phải. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Phân cảnh A-1: Các nhân vật I và II. Ý nghĩa diễn giải mới: Các nhân vật này thể hiện hai *gandharvas* nhảy múa và dâng hoa trong tư thế tán tụng. Chúng được kết nối với cảnh D để tạo cho các bức phù điêu trên đài thờ thành một bộ cục liên hoàn.

Phân cảnh A-2: Các nhân vật từ III đến VI. Ý nghĩa diễn giải mới: Ở phân cảnh này Vishvamitra, Rama và Lakshmana được mời vào hoàng cung tại Kinh thành Mithila. Nhân vật III là người hầu cận của đạo sư Vishvamitra, hoặc một vị tiên tri; và nhân vật IV là Vishvamitra. (Trên bốn bức chạm này các vị đạo sư đều mặc một mảnh khố đơn giản, không đeo đồ trang sức và có mái tóc búi cao.) Nhân vật V và VI là Lakshmana và Rama trong tư thế thỉnh mời và nhường bước cho Vishvamitra. Lakshmana chấp tay hướng về phía trước. Lưu ý rằng hình dáng của Rama được thể hiện to lớn hơn Lakshmana (Goldman 1984: I, sarga 64, câu 30).

Phân cảnh A-3: Các nhân vật từ VII đến XII. Ý nghĩa diễn giải mới: Cây cung của thần Rudra được đem ra từ kho của triều đình Mithila (Dutt 1899: quyển I, chương 2, các câu 5-18; Goldman 1984: I, sarga 66, các câu 1-11). Theo bản dịch của Goldman, triều thần của vua Janaka phải huy động năm ngàn người lực

lường kéo một cỗ xe rương tám bánh để chở cây cung thần. Trên bức phù điêu này chỉ thể hiện năm nhân vật tiêu biểu khiêng một cây cung có hai đầu mút hơi cong lên.⁽³⁾ Lưu ý rằng hình VII đã bị sút vỡ và hình XII là một vị đại thần cổ vắn của vua Janaka, tay phải cầm cái phát trần, điều khiển việc vận chuyển cây cung thần theo lệnh nhà vua.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

*Đạo sư Hoàng gia Vishvamitra cùng với Rama trung dũng và Lakshmana kiêu hùng,
Giã từ Kinh thành Ayodhya lộng lẫy đến Kinh thành Mithila thần tiên.*

Đạo sư nói với lòng đầy tự tin:

“Hỡi Quốc vương xứ Videha, xin ngài cho phép Rama được xem cây cung kỳ diệu của thần Rudra.”

Vua Janaka bèn ban lệnh cho quần thần cùng các chiến binh kiêu dũng:

“Hãy mang cây cung của thần Rudra được choàng phủ bằng hoa và vàng bạc ra đây.”

Quần thần và gia nhân kiêu dũng đợi chờ trong uy lệnh của quốc vương,

Mang khí giới vĩ đại và phước thiện từ trong kho của Kinh thành.

Những người lực lưỡng, thân hình vạm vỡ, đẩy cỗ xe sắt đồ sộ,

Trên đó đặt cây cung chiến chinh kinh khiếp vẹn toàn của vua Janaka.

Và nơi đó, quốc vương xứ Videha uy dũng như thần, đang ngự giữa triều thần quần tụ.

“Đây là vũ khí xứ Videha.” các triều thần kiêu hãnh nói.

“Hãy chỉ nó cho hoàng tử Rama, con trai chân chính của Quốc vương Dasharatha.”

(Dutt 1899: quyển I, chương 2, câu 5-18).

Phân cảnh A-4: Các nhân vật từ XIII đến XIV. Ý nghĩa diễn giải mới: Rama kéo gãy cây cung thần trước mặt đức vua Janaka (Dutt 1899: quyển I, chương 2, các câu 31-44; Goldman 1984: I, sarga 66, các câu 12-19). Trong phân cảnh này, mọi hành động và chi tiết đều lược giản, chỉ có hai nhân vật được giới thiệu. Nhân vật XIII là Rama đang kéo gãy cây cung thần. Rama được thể hiện là người to lớn nhất và đeo trang sức phong phú. Đây cũng là đỉnh điểm của toàn cảnh. Hình XIV là đức vua Janaka, mặc dầu gương mặt của ngài đã bị sút vỡ nhưng chúng ta có thể nhận ra rằng ngài đứng ngược nhìn lên, với tay trái chống ngang hông (Hình 3).

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

Rama giờ tám phủ cỗ xe sắt nặng nề,

Nhìn không chớp vào cây cung chiến đồ sộ với lòng tự tin và dũng khí ngất trời.

Rồi, người anh hùng khiêm tốn nói: “Hãy cho tôi đặt những ngón tay lên cây cung này,

Hãy cho tôi nâng và uốn cong vũ khí này, hãy giúp tôi với ân sủng đầy yêu thương của ngài.”

“Hãy thử đi.” bậc đạo sư nói; “Hãy thử đi.” đức vua bảo.

Rama nâng cao vũ khí với đôi tay trần vạm vỡ,

*Nhìn thẳng vào các bậc quân vương vây quanh, xứng với chàng trai dòng Raghu hào kiệt,
Kiêu hãnh, tự hào, dựng thẳng cây cung thần Rudra với cử điệu mềm mại và uy nghiêm
của một chiến binh,
Kiêu hãnh tra dây vào cung thần Rudra đã được các vương tôn thử sức trong tuyệt vọng,
Kéo dây cung với sức mạnh vô song cho đến khi nó gãy làm đôi,
Như tiếng sét đánh vang trời với âm thanh đầy kinh dị,
Mặt đất sâu dày cùng núi đồi khiếp sợ chuyển rung.
Quần thần và hoàng thân vây quanh ngã bật ra ngất đi trong kinh hãi.
Và dân chúng khắp nơi kinh hoàng khi nghe âm thanh vang rền kinh dị ấy!*

(Dutt 1899: quyển I, chương 2, các câu 31-41).



**Hình 3: *Phân cảnh A-4.* Hoàng tử Rama kéo gãy cung thần Rudra trước mặt vua Janaka.
Ảnh: Trần Kỳ Phương.**

Phân cảnh A-5: Các nhân vật từ XV đến XVI. Ý nghĩa diễn giải mới: Phân cảnh này diễn tả cuộc đối thoại giữa đức vua Janaka và đạo sư Vishvamitra. Đức vua Janaka bày tỏ sự kính phục của ngài đến sức mạnh siêu phàm của Rama; và ngài ngộ ý với đạo sư rằng sẽ cử ngay một đoàn sứ thần gồm các quan đại thần của mình đến Kinh thành Ayodhya thỉnh mời đức vua Dasharatha, phụ vương của Rama, đến Kinh thành Mithila để tổ chức hôn lễ cho Sita và Rama (Dutt 1899: quyển I, chương 2, các câu 46-61; Goldman 1984: I, sarga 66, các câu 20-27). Phân cảnh này minh họa rất sát sao với văn bản. Nhân vật XV là Vishvamitra trong trang phục tu sĩ Bà-la-môn, tay phải cầm quạt và tay trái đưa lên trong tư thế đối thoại. Hình XVI là đức vua Janaka với cùng một tư thế, y phục và trang sức như của nhân vật XIV.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

*Với ân sủng hoàng gia và duyên tao ngộ, vua Janaka nói với đạo sư Vishvamitra:
“Nay đôi mắt già nua của trẫm đã mục chứng thành quả diệu kỳ của Rama,*

Thành công vượt quá suy nghĩ và tưởng tượng này được làm nên bởi con trai của Dasharatha.

Sita công chúa tuyệt trần và đầy kiêu hãnh là vinh hạnh của gia tộc trẫm,

Niềm hân hoan vinh hiển đang trào dâng trong trẫm,

Khi công chúa cưới được người chồng oai phong sánh ngang thần thánh.

Lời thề nguyện của trẫm sẽ được thực thi, Sita yêu quý hơn đời trẫm,

Đã chọn được đúng nơi và với phẩm cách hiền thực nàng sẽ là người vợ trung thành của Rama.

Ôi đạo sư hãy cầu chúc cho chúng ta mọi sự tốt lành và thần tiên,

Chiến xa đó của trẫm sẽ tới Ayodhya mang theo những sứ thần,

Họ sẽ kể với phụ vương của Rama thành quả diệu kỳ chàng đã tạo ra,

Họ sẽ báo với quốc vương Dasharatha, Sita là chiến phẩm vô giá,

Họ sẽ nói rằng Rama cao quý đang sống bình yên trong cung điện của chúng ta,

Họ sẽ cung thỉnh quốc vương đến đây đem lại sự hiển vinh cho hoàng cung của trẫm,

Vui đến tận đáy lòng, đạo sư tán thành, đoàn sứ giả liền được triều đình cử đi,

Đến kinh thành Ayodhya xa vời cùng thông điệp của hoàng gia.

(Dutt 1899: quyển I, chương 2, các câu 46-61).

CẢNH B: Ý nghĩa diễn giải mới: Cảnh này minh họa các sứ thần do đức vua Janaka gửi đến Kinh thành Ayodhya để thông báo cho đức vua Dasharatha về chiến thắng của Rama đồng thời thỉnh mời ngài đến Mithila để dự lễ cưới. Và, sáng hôm sau, đức vua Dasharatha được các vị cận thần tháp tùng đến Mithila. Có tất cả mười sáu nhân vật trong cảnh này được diễn giải từ phải sang trái. Cảnh này được chia thành hai phân cảnh (Hình 4).



Hình 4: Cảnh B gồm 16 nhân vật đọc từ phải sang trái. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Phân cảnh B-1: Các nhân vật từ I đến VIII. Ý nghĩa diễn giải mới: Những vị sứ thần của đức vua Janaka mang tin vui đến cho đức vua Dasharatha tại triều đình Ayodhya (Dutt 1899: quyển I, chương 3, các câu 1-6; Goldman 1984: I, sarga 67, các câu 1-19). Phân cảnh này minh họa ba vị sứ thần là các nhân vật VI, VII, VIII. Chánh sứ là nhân vật VIII, người cầm một bản văn mỏng trước ngực như thể đang đọc bức thông điệp và thuật lại một cách chi tiết chiến công của Rama. Nhân vật

VII và VI là hai vị sứ thần khác đội lễ vật dâng lên đức vua Dasharatha. Nhân vật V có hình dạng to lớn nhất nổi bật trong toàn cảnh là đức vua Dasharatha đang ngự trên ngai. Các nhân vật từ I đến IV là các cận thần của đức vua Dasharatha. Nhân vật IV chấp tay cầm một đóa hoa trước ngực; nhân vật III cầm quạt; trong khi các nhân vật II và I lại cầm hai loại vũ khí khác thường, một trường kiếm và một đoản kiếm⁽⁴⁾ (Hình 5).



Hình 5: Phân cảnh B-1. Vua Dasharatha tiếp nhận đoàn sứ giả của vua Janaka.
Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

Ba đêm đã qua trong hành trình của họ cùng với những chiến mã đã mệt nhoài và cần được nghỉ ngơi,

Quốc vương cho truyền mời các sứ thần đến từ Vương quốc Mithila vào Hoàng cung Ayodhya,

Nơi ngự trị của đức vua Dasharatha cùng hoàng tộc và quần thần,

Với duyên tao ngộ và lòng tôn kính, họ trầm tĩnh và hào hùng đọc thông điệp,

Cất giọng dịu dàng, họ đem câu chuyện đầy hạnh phúc ra thuật lại.

(Dutt 1899: quyển I, chương 3, các câu 1-6).

Phân cảnh B-2: Các nhân vật từ IX đến XVI. Ý nghĩa diễn giải mới: Đức vua Dasharatha cùng đoàn tùy tùng đến Mithila để dự lễ cưới các con trai của ngài (Dutt 1899: quyển 1, chương 4, các câu 1-8 và 16-20; Goldman 1984: I, sarga 68, các câu 1-7). Ở phân cảnh này nhiều chi tiết trong văn bản được giản lược và được thể hiện khác đi. Các nhân vật của phân cảnh B-2 tương tự các nhân vật của phân cảnh B-1 nhưng lại được sắp xếp cho phù hợp với nội dung của phân cảnh này. Nhân vật XVI là một vị sứ thần dẫn đường cho đức vua Dasharatha và đoàn tùy tùng của ngài; đây cũng chính là nhân vật VIII, vị chánh sứ, ở phân cảnh trước. Nhân vật XV là đức vua Dasharatha cưỡi ngựa, bản sao của nhân vật V ở phân

cảnh trước. Tương tự như thế, nhân vật XIV là vị cận thần dâng hoa xuất hiện ở phân cảnh trước trong hình XIV. Các nhân vật XIII, XII, XI là ba vị cận thần khác tương ứng với các nhân vật III, II và I ở phân cảnh trước. Cuối cùng, nhân vật X và IX là hai vị sứ thần đội lễ vật, họ chính là các nhân vật VII và VI ở phân cảnh B-1; hai vị sứ thần này sau khi dâng lễ vật cho đức vua Dasharatha ở phân cảnh B-1, giờ đây họ lại xuất hiện với hai tay không.⁽⁵⁾ Chi tiết minh họa cho dòng thơ trong văn bản, theo bản dịch của Dutt là “Những chiến binh giáp bào chói lọi xếp hàng bốn theo đội ngũ uy nghiêm”; hoặc, “Vì thế, tuân theo chỉ thị của đức vua, cả bốn hàng binh tướng tháp tùng ngài tiến bước cùng các bậc tiên tri” như Goldman đã dịch; nội dung của đoạn sử thi này được thể hiện tiêu biểu bởi bốn vị cận thần của đức vua Dasharatha.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

Giờ đây khi ánh mai rực rỡ vương trên những ngọn tháp

Quốc vương Dasharatha được gia nhân nài nỉ gợn gâng, nói với quốc sư Samatra rằng:

“Hãy cử người canh giữ kho báu của trăm cùng với xe tải dẫn đường,

Đi trước với của cải hoàng gia vàng bạc và ngọc ngà châu báu xếp hàng rực rỡ,

Hãy cử các chiến binh lão luyện trong nhiệm vụ dẫn đường cùng với bốn hàng quân dàn trận.”

.....

Cùng với các đạo sĩ và gia nhân kiêu hùng, vua Dasharatha dẫn đường,

Đội ngũ sáng lòa uy lực tháp tùng bởi bốn hàng binh tướng rực rỡ oai phong.

Bốn ngày trên đường họ tiến về Vương quốc Videha.

(Dutt 1899: quyển I, chương 4, các câu 1-5; và 15-17).

CẢNH C: Cảnh này minh họa lễ cưới của Rama và ba em trai của hoàng tử. Có mười tám nhân vật xuất hiện được tính từ phải sang trái; cảnh này được chia thành ba phân cảnh (Hình 6).



Hình 6: Cảnh C gồm 18 nhân vật đọc từ phải sang trái. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Phân cảnh C-1: Các nhân vật từ I đến VI. Ý nghĩa diễn giải mới: Cảnh này thuật lại cuộc gặp gỡ giữa đức vua Dasharatha và anh hùng Yudhajit, cậu của

hoàng tử Bharata, vào trước ngày lễ cưới (Dutt 1899: quyển I, chương 5, các câu 1-20; Goldman 1984: I, sarga 72, các câu 1-6). Mọi chi tiết được thể hiện trong phân cảnh này đã minh họa trung thực nội dung của văn bản. Nhân vật IV là đức vua Dasharatha đang nghiêng đầu trong tư thế lắng nghe lời chúc tụng và nhận lễ vật từ anh hùng Yudhajit. Nhân vật V là anh hùng Yudhajit được nhìn từ phía sau lưng với hai tay khoanh trước ngực và ngược nhìn đức vua Dasharatha một cách kính cẩn. Các nhân vật còn lại là Rama và ba em trai của chàng là Bharata, Shatrughna và Lakshmana.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

*Giờ đây Quốc vương Dasharatha, nghỉ ngơi cùng với bốn hoàng tử anh hùng,
Tại Kinh thành Mithila cổ kính, và ước vọng của ngài đã được toại nguyện.
Khi đó, hoàng tử Yudhajit kiêu hùng thuộc dòng dõi Kaikeya hào kiệt đã tìm tới,
Vào ngày vua Dasharatha sửa soạn tặng phẩm bằng vàng bạc và đôi bò,
Hoàng tử đã gặp lão vương để cầu chúc sức khỏe và bình an cho ngài,
Chàng cúi mình và lòng đầy tôn kính cất giọng dịu dàng:
“Tâu hoàng thượng! phụ vương của thần, dòng dõi Kaikeya,
Xin gửi đến ngài lòng yêu quý triu mến với duyên tao ngộ và lời chúc phúc cùng ân sủng
của người,
Người vẫn an ngài được dồi dào sức khỏe,
Cầu chúc thân bằng quyến thuộc của ngài được sống trong hạnh phúc giàu sang.
Thần là em trai hoàng hậu Kaikeyi tìm đến để gặp con trai của bà,
Hoàng tử Bharata đức hạnh vô song, xứng đáng với uy danh của phụ vương nó,
Vâng, phụ hoàng thần đã cử thần đến gặp tuổi trẻ hào hùng, quả cảm.
Thần đã ra đi với lòng đầy háo hức đến Kinh thành Ayodhya cổ kính,
Đã được nghe thuật lại rằng: “Quốc vương Dasharatha đang ở với các hoàng tử và họ
hàng thân thích tại thành Mithila.”
Thần vì thế đã bắt kẻ sớm trưa, tức tốc lên đường tìm đến nơi đây để chúc mừng hoàng
thượng và được gặp con trai của chị.”
Vị khách trẻ thuộc dòng Kaikeya hào kiệt đầy triu mến đã nói thế trong duyên tao ngộ,
Vua Dasharatha nhận lấy tặng phẩm chọn lọc nhất đầy vinh hạnh từ người em trai của mình.*

(Dutt 1899: quyển I, chương 5, các câu 1-20).

Phân cảnh C-2: Các nhân vật từ VII đến XII. Ý nghĩa diễn giải mới: Lễ cưới của Rama và ba em trai của hoàng tử được cử hành (Dutt 1899: quyển I, chương VI, các câu 11-36; Goldman 1984: I, sarga 72, các câu 17-21). Trong phân cảnh này, chúng ta thấy đức vua Janaka, công chúa Sita, Rama và ba em trai của chàng được thể hiện nhưng không có sự xuất hiện của ba người em họ của công chúa Sita. Nhân vật XII là đức vua Janaka đang trao Sita cho Rama. Nhân vật XI là công chúa

Sita chống tay quỳ trước hoàng tử Rama với vòng hoa cưới trang trí phía trên đầu nàng. Hình X là Rama cúi xuống dịu dàng nâng Sita lên. Nhân vật IX, VIII và VII là Lakshmana, Bharata và Shatrughna, minh họa phù hợp sát sao với nội dung của văn bản.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

*Sita dịu dàng bước ra đôi mắt long lanh, cúi mặt thẹn thùng trong lễ cưới,
Rama vẻ đẹp kiều hùng tiếp nhận lời thề nguyện thiêng liêng.
Vua Janaka trao công chúa yêu kiều của mình trước mặt con trai vua Dasharatha,
Nói với giọng người cha đầy cảm động và thánh lễ được cử hành:
“Đây con trẻ Sita của Quốc vương Janaka, yêu quý hơn đời trăm,
Công chúa sẽ là người vợ thủy chung của hoàng tử, từ nay sẽ là người góp phần nâng
cao đức hạnh của con.
Công chúa là của con trên mọi nẻo đường, là người chia sẻ ngọt bùi và cay đắng cùng con,
Hãy xiết tay công chúa trong tay con, nâng niu nàng trong vui vầy và sầu muộn,
Công chúa là người vợ thủy chung từ vóc dáng, tâm tư cho đến linh hồn,
Sita của cha là người bạn đường tuyệt vời nhất sẽ theo con trong cuộc sống và trong
cõi chết.”
Những giọt nước mắt lại rơi trên khuôn mặt già nua,
Ước nguyện của ngài được chia sẻ cùng thần linh và mọi người.
Ngài vẩy nước thánh lên đôi tân hôn ngập tràn hạnh phúc.
Kế đó, ngài quay sang em gái Sita, công chúa Urmila xinh đẹp,
Với giọng đầy dịu dàng trìu mến, ngài nói với Lakshmana tuổi trẻ kiều hùng:
“Hỡi Lakshmana được thần linh và mọi người yêu quý, đừng e ngại bồn phận,
Hãy giữ lấy công chúa yêu quý mà ta dâng tặng, Urmila tình yêu chung thủy,
Lakshmana đừng ngại gì đức hạnh, hãy giữ lấy người vợ trung thành,
Xiết tay nàng trong tay con, nàng là của con trong cuộc sống và trong cõi chết.”
Với tình thương của vua cha, vua Janaka quay sang cháu gái Mandavi,
Kết duyên nàng cùng hoàng tử Bharata trung dũng, nguyện cầu và chúc phúc:
“Bharata, hãy sánh duyên cùng Mandavi duyên dáng, nàng là của con trong cuộc sống
và trong cõi chết,
Xiết tay nàng trong tay con như người vợ thủy chung.”
Sau cùng với Shrutakriti yêu kiều và tha thướt,
Tên gọi thanh tao của nàng tôn thêm vẻ đáng yêu,
“Nắm tay nàng hỡi Shatrughna, nàng là của con trong cuộc sống và trong cõi chết,
Từ vóc dáng tâm tư cho đến linh hồn, nàng là người vợ trung trinh.”*

(Dutt 1899: quyển I, chương 6, các câu 11-36).

Phân cảnh C-3: Các nhân vật từ XIII đến XVIII. Ý nghĩa diễn giải mới: Một vị đạo sư, các hoàng tử và các công chúa đang cử hành hôn lễ (Dutt 1899: quyển I, chương 6, các câu 37-42; Goldman 1984: I, sarga 72, các câu 22-23). Trong phân cảnh này chỉ có đạo sư Vasistha, Sita, Rama và ba em trai của chàng được thể hiện. Nhân vật XIII và XIV là Sita và Rama; Sita thẹn thùng quay mặt sang hướng khác, trong khi Rama đứng chống kiếm tư thế hiên ngang. Nhân vật XV là đạo sư Vasistha, vị chủ hôn. Nhân vật XVI, XVII và XVIII là Lakshmana, Bharata và Shatrughna, ba hoàng tử em trai của Rama (Hình 7).



Hình 7: *Phân cảnh C-3*. Công chúa Sita và hoàng tử Rama trong lễ cưới.
Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

*Rồi các hoàng tử dìu các công chúa, tay đan tay trong vòng tình ái,
Và đạo sư Vasistha tụng đọc thần chú, bậc đại trí thánh thiện nhất trần gian.
Khi nghi lễ cổ truyền được cử hành, khi luật lệ thiêng liêng được ban bố,
Mỗi cô dâu và chú rể cùng bước từng bước vòng quanh ngọn lửa thiêng tỏa sáng trên bàn thờ,
Vòng quanh quốc vương xứ Videha, vòng quanh các đạo sư thánh thiện,
Các trinh nữ cất bước dịu dàng, các hoàng tử bước đi oai vệ.*

(Dutt 1899: quyển I, chương 6, các câu 37-42).

CẢNH D: Ý nghĩa diễn giải mới: Cảnh này minh họa các vũ nữ thiên tiên (*apsaras*) và nhạc công thiên tiên (*gandharvas*) đang múa hát để tán tụng các đôi

tân hôn. Có mười một *apsaras* theo sau hai *gandharvas* ở Cảnh A, giúp cho các cảnh trí thể hiện trên đài thờ này được diễn giải một cách liên hoàn (Dutt 1899: quyển I, chương 6, các câu 43-50; Goldman 1984: I, sarga 72, các câu 24-27). Có tất cả mười một *apsaras* đều được thể hiện trong các tư thế nhảy múa khác nhau, mang y phục và đồ trang sức trau chuốt lộng lẫy. Cảnh tượng sinh động này hàm chứa nội dung hấp dẫn nhất và diễn giải hoàn hảo câu chuyện như nó đã được tường thuật trong văn bản (Hình 8, Hình 9).



Hình 8: Cảnh D gồm 11 nhân vật. Ảnh: Trần Kỳ Phương.



Hình 9: Các *apsaras* nhảy múa chúc mừng các đôi tân hôn. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Đối chiếu với trích đoạn từ bản dịch của Dutt:

Và mưa hoa rơi xuống từ tiên cảnh,
 Và nhạc trời êm ái lừng không gian,
 Những nhạc công *gandharvas* hân hoan cùng tấu điệu ngọt ngào,
 Các thiên nữ *apsaras* yêu kiều cất bước thướt tha trên cỏ mượt.
 Khi mưa hoa rơi xuống và nhạc trời vang lừng,
 Từng chú rể dắt tay cô dâu bước ba vòng quanh bàn thờ rực sáng,
 Và khi hôn lễ kết thúc, các hoàng tử dìu các công chúa lui ra,
 Vua Janaka cất bước theo hoàng tộc, và khắp phố phường hào hứng tung bừng múa hát vui chơi!

(Dutt 1899: quyển I, chương 6, các câu 43-50).

4. Mối quan hệ giữa đài thờ Trà Kiệu và minh văn của vua Prakāṣadharmā

Trong cuộc khai quật khảo cổ học tại Trà Kiệu vào các năm 1927-28, Jean-Yves Claeys đã phát hiện một bi ký quan trọng (1927: 468-79). Bi ký này có kích thước 54 x 54 x 12cm, khắc tám dòng chữ dài 50cm gồm bốn khổ thơ śloka bằng tiếng

Phạn (Sanskrit); nội dung của bi ký đã được Paul Mus dịch ra tiếng Pháp, như sau: “L’ennemi d’automne une fois anéanti (?), le roi Prakāṣadharma, l’exterminateur de toutes les hordes ennemies, doué de science, puissance, patience, fortune, gloire et fermeté, lui, le bien-aimé du monde,...⁽⁶⁾ qui avait accompli... oeuvre pie, la consécration en ce lieu [de l’image] du premier poète, du grand rị Vālmīki... dont le chagrin suscita le śloka honoré de Brahmā, et qui est la forme humaine de Māle antique, Viśnu... son temple... [ayant été] reconstruit à nouveau...” (Một khi kẻ thù mùa thu đã được dẹp xong (?), đức vua Prakāṣadharma người tiêu diệt mọi bọn bộ lạc du mục thù địch, người có thiên khiếu về khoa học, đầy quyền uy, luôn kiên tâm, phú quý, đầy vinh quang và ý chí kiên định, người được cả thế gian yêu quý... người đã hoàn thành... sự nghiệp thiện nguyện, khai quang tại nơi này [hình ảnh] của thi sĩ đầu tiên, đại sư Vālmīki... mà nỗi sầu muộn đã gọi nên những vần thơ được Brahmā tán thán, và, ngài là hình dáng của Māle xưa kia, Viśnu... đền thờ ngài đã được xây dựng lại...) (Mus 1928: 149-50).

Đây là bi ký thứ nhì của Prakāṣadharma được phát hiện tại Trà Kiệu.⁽⁷⁾ Tấm thứ nhất được phát hiện năm 1911, nội dung có nhắc đến “việc xây dựng *halakayugalan*” (một cặp *halaka* [tượng/đền thờ?])⁽⁸⁾ (Huber 1995: 237). Tất cả các minh văn của Prakāṣadharma đều được phát hiện trong Tiểu quốc Amaravati bao gồm 09 tấm tại Mỹ Sơn; 01 tấm tại Dưỡng Mông; và 01 tấm tại Thạch Bích. Trong số đó chỉ có hai tấm phát hiện tại Mỹ Sơn là có niên đại. Theo Louis Finot thì một tấm có niên đại 579 śaka (657 CN) (Bia Mỹ Sơn III); và tấm kia có niên đại 601 śaka (679 CN) (Bia Mỹ Sơn IV) (Finot 1995: 100-10). Tuy nhiên, theo Majumdar thì tấm bia Mỹ Sơn IV có niên đại năm 609 śaka (687 CN) (Majumdar 1985: III, 28-31). Dựa theo những chứng cứ nêu trên, thì, minh văn Vālmīki của Prakāṣadharma phát hiện tại Trà Kiệu có niên đại từ nửa sau thế kỷ thứ 7, khoảng năm 657-687 CN.

Giải thích nội dung của đài thờ Trà Kiệu có liên quan đến Ramayana chúng tôi nhận định rằng thông tin đề cập chủ yếu trong minh văn của Vālmīki Trà Kiệu của Prakāṣadharma, “la consécration d’une statue et la reconstruction d’un temple” (khai quang một pho tượng và trùng tu một ngôi đền) (Mus 1928: 147) có một mối quan hệ mật thiết với đài thờ Trà Kiệu, bởi những lý do sau: 1. Tấm bia Vālmīki là minh văn duy nhất phát hiện tại Trà Kiệu đề cập đến Ramayana; 2. Đài thờ Trà Kiệu là chứng cứ duy nhất bằng hình tượng phát hiện tại Trà Kiệu minh họa Ramayana. Từ đó, có thể suy luận rằng mối quan hệ hữu cơ giữa văn bia Vālmīki và đài thờ Trà Kiệu là có khả năng tồn tại, bởi vì Mus (1928: 148) đã lưu ý, “L’épigraphie du Champa ne sépare jamais l’image, ou mieux: *le dieu*, du temple.” (Bi ký Champa không bao giờ tách biệt với hình tượng, hoặc chính xác hơn: *vị thần*, của ngôi đền).

Để chứng minh cho mối quan hệ nêu trên, một giả thuyết nữa được đặt ra là, vua Prakāṣadharma đã chọn chủ đề “Lễ cưới Sita” trong Ramayana của Vālmīki để thể hiện trên một bàn thờ dựng tại kinh đô của ông ở Trà Kiệu (Simhapura), chính vì ông muốn tái hiện đám cưới hoàng gia của song thân ông; đồng thời tạo ra một sự gắn kết huyền kỳ giữa dòng dõi hoàng tộc của ông với truyền thuyết Ramayana. Phụ thân ông, vua Jaggadharma, đã sang Campuchia và kết hôn với mẫu thân của ông, công chúa Sarvini, ái nữ của vua Isānavarman. Sự kiện lịch sử này đã được ghi chép trong một minh văn của Prakāṣadharma dựng tại thánh địa Mỹ Sơn (Bia Mỹ Sơn III); cũng chính trong minh văn này, Prakāṣadharma đã xưng tụng phụ thân ông là “Rama con trai của Dasharatha” (Coedès 1968: 71; Finot 1995: 100-10; Majumdar 1985: III, 16-27).

Từ những chứng cứ nêu trên chúng tôi có thể xác định rằng đài thờ Trà Kiệu có niên đại vào cuối thế kỷ thứ 7, khoảng năm 657-687 CN. Tương ứng như vậy, các tác phẩm điêu khắc có cùng phong cách với đài thờ này, hay “Phong cách Trà Kiệu Sớm”, đều có thể có cùng niên đại từ nửa sau thế kỷ thứ 7 đến đầu thế kỷ thứ 8 (Trần Kỳ Phương 1987: 8-9; 1994: 96).⁽⁹⁾

5. Những chủ đề của Ramayana trong điêu khắc Champa

Xưa kia, trong sử sách của Đại Việt, Vương quốc Champa đôi khi được gọi là Hồ Tôn Tinh (Hầu Quốc) hoặc Dạ Xoa Vương (Ravana hoặc Dasharatha?), những danh xưng này cho thấy rằng Ramayana rất phổ biến tại Champa đương thời (Huber 1995: 205; Filliozat 1994: 194-205). Ngày nay trong kho tàng văn học thành văn của dân tộc Chăm tại tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, thuộc Tiểu quốc Panduranga của Vương quốc cổ Champa, vẫn còn lưu truyền một bản tráng ca (akayet) bằng văn xuôi có nội dung xuất xứ từ Ramayana, tên là Pram Dit Pram Lak (Inrasara 1994: 151-56; Moussay 1976: 131-35). Cùng với những cứ liệu thành văn, những chủ đề điêu khắc kể chuyện phỏng theo sử thi Ramayana cũng đã xuất hiện trong nghệ thuật Chăm từ thế kỷ thứ 7 cho đến thứ 13; trong đó hình tượng hầu vương Hanuman rất phổ biến. Các hình tượng khi và quỷ vương Ravana đã được phát hiện tại nhiều di tích như Trà Kiệu, Mỹ Sơn, Chiên Đàn, Phú Hưng và Khương Mỹ,⁽¹⁰⁾ thuộc tỉnh Quảng Nam; và tại những di tích khác thuộc tỉnh Bình Định.

Đáng lưu ý là, hầu hết các phù điêu kể chuyện phỏng theo sử thi Ramayana phát hiện tại các di tích trên đều là những bộ phận trang trí kiến trúc, hoặc là phần đế tháp, hoặc là các mảng trang trí trên tường ở phía bên ngoài tháp. Chỉ có đài thờ Trà Kiệu là tác phẩm duy nhất mang nội dung kể chuyện Ramayana được thể hiện trên một bàn thờ đặt trong chánh điện của một ngôi đền.

Lý giải này chủ yếu căn cứ vào các miêu tả chi tiết trong văn bản cổ còn lưu truyền cho đến nay. Sự tương đồng khăng khít giữa hình tượng của các nhân vật thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu được so sánh với những chi tiết của từng hồi đoạn từ văn bản của chương “Lễ cưới Sita” trong sử thi Ramayana của Vālmīki. Ngoài ra, lý giải này còn được bổ sung thêm bởi những chứng cứ của mối tương quan hữu cơ giữa minh văn Vālmīki của Prakāṣadharma tại Trà Kiệu với đài thờ Trà Kiệu; mối tương quan này cũng đã được củng cố thêm khi mà cả hai tác phẩm được phát hiện tại cùng một di tích. Ngoài ra, vai trò quan trọng tất yếu của Ramayana cũng được chứng thực qua văn bia và các tác phẩm điêu khắc kể chuyện khác trong văn hóa Champa.

T K P

CHÚ THÍCH

- (1) Nghiên cứu này đã được công bố lần đầu vào năm 1983, với tựa đề “Độc lại đài thờ Trà Kiệu, một kiệt tác của nghệ thuật Chăm” (Trần Kỳ Phương 1983: 63-73). Năm 2000, tựa đề “The wedding of Sita: A theme from the Ramayana represented on the Tra Kieu pedestal” (Trần Kỳ Phương 2000: 51-58). Năm 2002, tựa đề “Lễ cưới Sita: Một chủ đề trích từ sử thi Ramayana được thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu” (Trần Kỳ Phương 2002: 94-103). Năm 2018, nội dung chính được sử dụng lại để giới thiệu đài thờ Trà Kiệu trong ấn phẩm, “Vibrancy in Stone: Masterpieces of the Danang Museum of Cham Sculpture” (Trần Kỳ Phương, Võ V. Thắng, Peter D. Sharrock 2018: 186-88). Lần công bố này, nội dung có chỉnh sửa và bổ sung chi tiết.
- (2) Nghiên cứu này đã sử dụng bản dịch của Romesh Dutt, “Ramayana, the epic of Rama, prince of India”; và bản dịch của Robert Goldman, “The Ramayana of Vālmīki: An Epic of Ancient India”, để làm căn bản cho sự phân tích các hình tượng (Dutt 1899; Goldman 1984).
- (3) Đây không phải là “mảnh vỡ của cây cung” như Boisselier đã ghi chú (1963: 276). Cây cung trong tình trạng vẫn còn nguyên vẹn (Parmentier 1909: 296).
- (4) Đây là một loại binh khí chứ không phải là cái quạt [ruồi] như Boisselier đã nhận định (Boisselier 1963: 176). Loại binh khí này cũng xuất hiện trên đầu cột trụ Mỹ Sơn B14 (Parmentier 1909: 377).
- (5) Mặc dầu các nhân vật minh họa trong hai phân cảnh B-1 và B-2 được lập lại, nhưng vì hình tượng của họ được thể hiện bởi các nhà điêu khắc khác nhau, cho nên y phục, đồ trang sức và vật tùy thuộc của các nhân vật này được diễn đạt hơi khác đi. Ví dụ, vũ khí và quạt của các nhân vật trong phân cảnh B-2 có hình dạng và kích thước tương tự với các nhân vật trong phân cảnh B-1 nhưng bị chạm ngắn đi; đức vua Dasharatha cưới ngựa cũng bị thu nhỏ lại.
- (6) [Thành ngữ *jagankanla*, dùng để chỉ người con trai của Jagaddharma, có thể hiểu theo hai cách. Prakāṣadharma đã khắc (thành ngữ này) suốt theo phả hệ và sự tích của cha ông, để từ đó khẳng định quyền lên ngôi của ông (BEFEO, IV, tr. 922-24). Một minh văn khác của vị vua này ở lưng tấm bia của Çambhuvarman ở Mỹ Sơn có ghi: *Çri Prakāṣadharmmh... jagadekavirah*. Thuật ngữ *jagatkanta* được đặc biệt nêu bật trong văn khắc của chúng ta. Hẳn phải thấy một sự khôn khéo trong việc chọn từ này ở lời tán tụng.] Chú thích này dẫn theo nguyên bản. Tác giả cảm ơn nhà văn Nguyễn Ngọc đã dịch đoạn dẫn của Paul Mus.

- (7) Trà Kiệu xưa kia là nơi tọa lạc của Kinh thành Simhapura (Thành Sư Tử), hoàng đô của Tiểu Vương quốc Amaravati nằm trong tỉnh Quảng Nam ngày nay; cách thành phố Đà Nẵng khoảng 50km về phía nam.
- (8) Từ “*halaka*” vẫn chưa được giải thích (Huber 1995: 237, note 2; Majumdar 1985: III, 14, note 2).
- (9) Để có thêm chứng cứ về niên đại của đài thờ Trà Kiệu, gần đây, trong một nghiên cứu về mối tương quan giữa kiến trúc và điêu khắc của một ngôi đền Champa, chúng tôi chứng minh rằng những đài thờ có nội dung điêu khắc kể chuyện (narrative sculpture), như đài thờ Trà Kiệu, thuộc về những ngôi đền có chánh-điện-mở (open-sanctum temple) có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ 7 hoặc thứ 8 (Trần Kỳ Phương 2018: 37-44). Ngôi đền có chánh-điện-mở là một loại hình kiến trúc đơn giản gồm mái che bằng ngói đất nung, được chống đỡ bởi bốn cột trụ gỗ, dựng trên một nền cao, cho nên những hoạt cảnh minh họa trên đài thờ trong chánh điện có thể được chiêm ngưỡng từ phía bên ngoài ngôi đền.
- (10) Vào những năm 2001 và 2007, tại nhóm ba tháp Khương Mỹ, thuộc xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã có các cuộc khai quật khảo cổ học phục vụ trùng tu được Sở Văn hóa-Du lịch tỉnh Quảng Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội cùng phối hợp thực hiện. Tại ngôi tháp Nam Khương Mỹ các nhà khảo cổ học đã phát hiện phần đế tháp bằng sa thạch thể hiện các phần trong sử thi Ramayana. Những bức phù điêu kể chuyện có chủ đề “Sita trong vườn Asoka” trong Ramayana đã được lý giải bởi Cecelia Levin và Arlo Griffiths trong những nghiên cứu gần đây (Levin 2008; Griffiths, Schoettel, Tran 2017).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chữ viết tắt: *BEFEO* (= Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient).

1. Boisselier, Jean .(1963). *La Statuaire du Champà: recherches sur les cultes et l'iconographie*. Paris: *EFEO* (Publications de l'École Française d'Extrême-Orient 54).
2. Claeys, Jean-Yves. (1927). “Fouilles de Trà Kiệu”. *BEFEO*, 27: 468-79.
3. Coedès, George. (1931). “Le piédestal de Trà Kiệu”. *BEFEO*, 31: 201-12.
4. Coedès, George. (1968). *The Indianized States of Southeast Asia* (S. B. Cowing dịch; W. F. Villa biên tập). Honolulu: East-West Center.
5. Dutt, Romesh C. (1899). *Ramayana, the epic of Rama, the prince of India*. London (J. M. Dent & Co): Aldine House.
6. Finot, Louis (1995). “Notes d'épigraphie VI: Inscriptions du Quảng Nam”. *Études épigraphiques sur le pays Cham (réunies par C. Jacques)*, tr. 41-78, 79-159. Paris: Réimpression de l'École Française d'Extrême-Orient, No. 7.
7. Huber, Édouard. (1995). “Légende du Ramayana en Annam”. *Études épigraphiques sur le pays Cham (réunies par C. Jacques)*, tr. 205. Paris: Réimpression de l'École Française d'Extrême-Orient, No. 7.
8. Griffiths, Arlo, M. Schoettel, M. Tran Quyet Chinh. (2017). “Les bas-reliefs du Ramayana de la tour sud de Khương Mỹ”. *Arts Asiatiques*, Tome 72-2017: 17-38.
9. Inrasara. (1994). *Văn học Chăm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
10. Filliozat, Jean. (1994). “The Ramayana in South-East Asian Sanskrit epigraphy and iconography”. *Asian variations in Ramayana: Papers presented at the International Seminar on 'Variations in Ramayana in Asia: Their cultural, social and anthropological significance'*. New Delhi, January 1981 (biên tập J. K. R. Srinivasa), tr. 193-205. Delhi: Sahitya Akademi.

11. Goldman, Robert P. (biên tập). (1984). *The Ramayana of Vālmīki: An Epic of Ancient India*. New Jersey: Princeton University Press.
12. Majumdar, R. C. (1985) [1927]. *Champa: History & Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East 2nd - 16th century A.D.* Delhi: Gian Publishing House. (Reprinted from the first edition of 1927s).
13. Moussay, Gerald. (1976). "Pram Dit Pram Lak (La Geste de Ramayana chez les Cams)". *Actes du XXIX Congrès International des Orientalistes Asie du Sud-Est Continentale*, tr. 131-35. Paris.
14. Mus, Paul. (1928). "Études indiennes et indochinoises: I. l'inscriptions à Valkimi de Prakasadharmā (Trà Kiệu)". *BEFEO*, 28: 147-52.
15. Levin, Cecelia. (2008). "Recasting the sacred heroes: A new discovery of sculptural epic narration from ancient Champa". *Interpreting Southeast Asia's Past: Monument, Image and Text* (biên tập E. Bacus, P. Sharrock, I. Glover), tr. 85-99. Singapore: NUS Press.
16. Parmentier, Henri. (1909). "Inventaire descriptif des monuments Cams de l'Annam: vol.I". *Description des monuments*. Paris: Leroux (Publications de l'École Française d'Extrême-Orient 11).
17. Przyluski, Jean. (1930). "Un chef-d'oeuvre de la sculpture chame: Le piédestal de Tra Kieu". *Revue des Arts Asiatiques*, 6: 89-93.
18. Trần Kỳ Phương, Võ Văn Thắng, Peter D. Sharrock (biên tập). (2018). *Vibrancy in Stone: Masterpieces of the Danang Museum of Cham Sculpture*. Bangkok: River Books.
19. Trần Kỳ Phương (1983). 'Đọc lại đài thờ Trà Kiệu: Một kiệt tác trong nghệ thuật Chăm'. Tạp chí *Nghiên cứu Nghệ thuật*. Số 2: 63-73.
20. Trần Kỳ Phương. (1987). *Museum of Cham Sculpture*. Hà Nội: Foreign Languages Publishing House.
21. Trần Kỳ Phương. (1994). "Bảo tàng Điều khắc Chăm-Đà Nẵng". *Artifacts and culture of the Champa kingdom (catalogue)* (biên tập Shige-eda Y., Momoki Sh.), tr. 101-16. Tokyo: The Toyota Foundation.
22. Trần Kỳ Phương. (2000). "The Wedding of Sita: A theme from the Ramayana represented on the Tra Kieu pedestal". *Narrative Sculpture and Literary Traditions in South and Southeast Asia* (biên tập M. J. Klokke), tr. 51-58. Leiden: Brill.
23. Trần Kỳ Phương. (2002). "Lễ cưới Sita: Một chủ đề trích từ sử thi Ramayana được thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu". Tạp chí *Nghiên cứu Huế*. Số 4: 94-103.
24. Trần Kỳ Phương. (2018). "Rethinking Cham temple architecture and sculpture". *Vibrancy in Stone: Masterpieces of the Danang Museum of Cham Sculpture* (biên tập T. K. Phương, V. V. Thắng, P. Sharrock), tr. 37-44. Bangkok: River Books.

TÓM TẮT

Kể từ khi phát hiện vào năm 1901, đài thờ Trà Kiệu đã được các học giả người Pháp quan tâm nghiên cứu. Năm 1929, Jean Przyluski diễn giải các cảnh này là minh họa cho truyền thuyết về vua Kaudinya, người sáng lập ra Vương quốc Phù Nam. Năm 1931, George Coedès tiếp tục phân tích những cảnh này và không đồng ý với lối diễn giải của Przyluski; ông xác định những cảnh này là minh họa của một tác phẩm văn học thuộc Vaisnavite có liên hệ mật thiết với bộ kinh Bhagavatapurana. Năm 1963, Jean Boisselier nhận xét rằng Coedès đã đưa ra cách lý giải có tính thuyết phục nhất về nội dung của các bức phù điêu được thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu.

Bài khảo cứu này đề xuất một cách lý giải mới, khác với giải thích của Coedès, trong đó tác giả chứng minh rằng bốn cảnh thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu là một tác phẩm “điều khắc kể chuyện” tường thuật “Lễ cưới công chúa Sita” một chủ đề thuộc sử thi Ramayana của Vālmīki; và đài thờ này có liên hệ đến một minh văn của vua Prakāṣadharmā cũng phát hiện tại Trà Kiệu có niên đại khoảng 657-687CN. Từ đó đưa đến một nhận định mới về nội dung cũng như niên đại của đài thờ Trà Kiệu.

ABSTRACT

THE RAMAYANA IN CHAM ART:

THE “WEDDING OF PRINCESS SITA” PRESENTED ON THE TRÀ KIỆU PEDESTAL

Since its discovery in 1901, the Trà Kiệu pedestal has been interested in studying by French scholars. In 1929, Jean Przyluski interpreted these scenes as illustrations of the legend of King Kaudinya, the founder of Funan Kingdom. In 1931, George Coedès continued to analyze them and disagreed with Przyluski's interpretation; he identified them as illustrations of a literary work of Vaisnavite closely related to the Bhagavatapurana sutras. In 1963, Jean Boisselier commented that Coedès gave the most convincing explanation for the content of the reliefs carved on the Trà Kiệu pedestal.

This paper proposes a new interpretation, different from that of Coedès, in which the author proves that the four scenes shown on the Trà Kiệu pedestal are a “storytelling sculpture” narrating the “Wedding Ceremony of princess Sita” a theme from Vālmīki's epic Ramayana; and this pedestal is related to a civilization of King Prakāṣadharmā also discovered in Trà Kiệu dating from about 657-687AD. Since then, it leads to a new judgment about the content as well as the chronology of the Trà Kiệu pedestal.